TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM - ST

Ngày 24/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn Tần

- Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký toà án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số:66/2017/TLST-KDTM ngày 13/11/2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2017/QĐST-KDTM ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK

Trụ sở: Số 109 T, phường C, quận H, Thành Phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th – Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đức T – Phó giám đốc Chi nhánh Ba Đình kiêm giám đốc Phòng giao dịch Hùng Vương - Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK.

Ông Lê Đức T uỷ quyền lại cho: Ông Nguyễn Tiến C - Phó giám đốc Phòng giao dịch Hùng Vương – Ngân hàng thương mại TNHH MTV DK; Ông Thiều Đình Tr – Phó ban phụ trách Ban kinh doanh – Ngân hàng thương mại TNHH MTV DK; Bà Nguyễn Thị Ngọc Th – nhân viên kinh doanh (Theo giấy uỷ quyền số 45/2017 ngày 03/10/2017). Bà Th có mặt

- Bị đơn: - Ông Nguyễn Khả S, sinh năm 1963

- Bà Chu Thị Nh, sinh năm 1968

Địa chỉ đều ở: Thôn 5, xã Ph, huyện Thạch Thất, Thành Phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Chu Thị Nh là ông Nguyễn Khả S (Có

mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1965 (Có mặt)

2. Bà Chu Thị Nh1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

3. Cụ Chu Thị S, sinh năm 1917 (Vắng mặt)

4. Chị Trần Thị H (Phượng), sinh năm 1994 (Vắng mặt)

5. Anh Lê Văn H, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

6. Chị Trần Thị B, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

7. Chị Trần Thị Th, sinh ngày 27/7/2000

8. Anh Trần Văn D, sinh năm 2005

9. Cháu Lê Trần Ngọc A, sinh năm 2013

10. Cháu Lê Đức H, sinh năm 2016

Địa chỉ đều ở: Thôn 4, xã Ph, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Th, anh Trần Văn D là ông Trần Văn N (bố đẻ) và bà Chu Thị Nh1 (Mẹ đẻ).

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Trần Ngọc A, cháu Lê Đức H là chị Trần Thị H (Mẹ đẻ) và anh Lê Văn H (Bố đẻ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2015 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK trình bày: Ngày 05/8/2011Ngân hàng thương mại cổ phần DK (Nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK) có ký hợp đồng tín dụng số 0413/2011/GPBBĐ - XĐ/HĐ với ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh. Theo hợp đồng này cùng ngày, ông S, bà Nh ký khế ước nhận nợ số 01.0413/2011/GPBBĐ- XĐ/KƯ ngày 05/8/2011 nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Các quy định về lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay giữa hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ không có thay đổi cụ thể: lãi suất vay thả nổi, kỳ đầu tiền 23%/năm điều chỉnh 1 tháng/1 lần, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 05/8/2011 đến ngày 06/8/2012, mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh.

Ngày 04/8/2011, ông Trần Văn N, bà Chu Thị Nh1 có ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba bảo lãnh cho khoản vay của ông S, bà Nh tại Ngân hàng. Tài sản bảo lãnh là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại xã Ph, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00963QSDĐ/549/QĐ -UB -H ngày 04/7/2002 cho hộ ông Trần Văn N, sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2011 cho ông Trần Văn N, bà Chu Thị Nh1.

Quá trình vay Ngân hàng đến nay ông S, bà Nh đã trả lãi Ngân hàng đến tháng 12/2011 là 143.587.600 đồng, không trả được nợ gốc. Ngày 25/02/2012

Ngân hàng đã chuyển kỳ hạn vay của ông S, bà Nh sang nợ quá hạn. Ngày 04/6/2014, Ngân hàng tiếp tục đôn đốc bà Nh, ông S trả nợ nhưng bà Nh khất nợ và từ đó đến nay cũng không có phương án trả nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Ông S, bà Nh phải trả toàn bộ khoản vay tính đến ngày 02/10/2017 là 3.205.874.391đ (Ba tỷ hai trăm linh năm triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 1.200.000.000đ; nợ lãi trong hạn 130.330.180đ; nợ lãi quá hạn 1.648.500.000đ, lãi phạt chậm trả lãi 227.044.211đ. Nếu bị đơn không thực hiện trả nợ đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Yêu cầu bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại toà án bị đơn ông Nguyễn Khả S và bà Chu Thị Nh đều trình bày: Ông, bà xác nhận thời gian ký hợp đồng tín dụng, tài sản bảo lãnh cho khoản vay, thời gian ký khế ước nhận nợ, thời gian trả gốc và lãi như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày là đúng. Tài sản bảo lãnh cho khoản vay từ khi bảo lãnh đến nay không có biến động thay đổi gì. Quá trình vay vốn đến nay, do điều kiện kinh tế của ông, bà khó khăn không có khả năng trả nợ, nhiều lần khất nợ đề nghị Ngân hàng giãn nợ cho trả dần, lần khất nợ cuối cùng vào đầu vào tháng 6/2014. Ông, bà không cung cấp được chứng cứ gì mới liên quan để giải quyết vụ án.

Tại các biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N, bà Chu Thị Nh1 đều trình bày: Ông S, bà Nh là anh em trong gia đình với ông bà. Ông, bà không nhớ cụ thể năm nào ông, bà có ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm của ông bà là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội đã được UBND huyện Thạch Thất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00963QSDĐ/549/QĐ -UB -H ngày 04/7/2002 tại Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí toàn cầu để đảm bảo cho khoản vay của ông S, bà Nh. Ông S, bà Nh vay tiền Ngân hàng bao nhiêu và trả nợ gốc lãi Ngân hàng như thế nào ông bà không biết. Hiện tại trên thửa đất thế chấp có ông, bà, cụ S, các con của ông bà là anh H, chị H, chị B, chị Th, anh D; các cháu ngoại là A, H đang sinh sống, ngoài ra không có ai sinh sống trên thửa đất trên. Tài sản thế chấp từ khi thế chấp đến nay không có biến động thay đổi gì. Ngân hàng khởi kiện ông S, bà Nh, quan điểm của ông bà đề nghị ông S, bà Nh trả nợ Ngân hàng để ông bà lấy lại tài sản bảo đảm.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Chu Thị S, chị Trần Thị H, anh Lê Văn H, chị Trần Thị B đều trình bày: Cụ S, các anh chị H, H, B, Th và các cháu D, A, H đang sinh sống trên thửa đất ông N, bà Nh1 đã thế chấp bảo lãnh tại Ngân hàng nêu trên. Cụ S, các anh chị H, H, B đều nhất trí với lời trình bày của ông N, bà Nh1.

Tại phiên toà, Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Ngân hàng đề nghị toà án buộc: Ông S, bà Nh phải trả nợ toàn bộ khoản vay tính đến ngày tính đến ngày 02/10/2017 là 3.205.874.391đ; Ông S, bà Nh tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn theo hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên kể từ ngày 03/10/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp bị đơn thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì

nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất nêu trên để thu hồi nợ; Ông S, bà Nh phải trả thanh toán trả Ngân hàng số tiền xem xét thẩm định 2.000.000đ. Ngân hàng cũng xác nhận chưa bán khoản vay nợ trên cho bất cơ cơ quan, tổ chức nào.

Ông S nhất trí trả Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Ngân hàng. Đối với khoản vay và việc trả nợ Ngân hàng ông S không có ý kiến gì khác.

Ông N không có ý kiến gì về việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà ông, bà Nh1 đã bảo lãnh cho khoản vay của ông S, bà Nh.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nh1, cụ S, anh H, chị H, chị B đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đó tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng bà Nh1, cụ S, chị H, anh H, chị B đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh1, cụ S, chị H, anh H, chị B là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 05/8/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần DK (Nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK) có ký hợp đồng tín dụng số 0413/2011/GPBBĐ- XĐ/HĐ với ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh. Theo hợp đồng cùng ngày ông S, bà Nh ký khế ước nhận nợ số 01.0413/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 05/8/2011 nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh. Từ khi vay vốn Ngân hàng đến nay, ông S, bà Nh đã trả lãi Ngân hàng đến tháng 12/2011 số tiền 143.587.600 đồng, không trả được nợ gốc. Ngày 25/02/2012 Ngân hàng đã chuyển kỳ hạn vay sang nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông S, bà Nh trả nợ, lần cuối cùng vào tháng 6/2014 nhưng ông S, bà Nh đều không có phương án trả nợ. Ngày 07/4/2015, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà Nh trả nợ. Do vậy, Tranh chấp phát sinh trong vụ án là hoạt động kinh doanh thương mại giữa Ngân hàng với ông S, bà Nh là hộ đăng ký kinh doanh đều nhằm mục đích lợi nhuận và thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết được quy định tại Điều 30, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông S, bà Nh phải trả nợ các khoản tính đến ngày 02/10/2017 là 3.205.874.391đ (Ba tỷ hai trăm linh năm triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc

1.200.000.000đ; nợ lãi trong hạn 130.330.180đ; nợ lãi quá hạn 1.648.500.000đ, lãi phạt chậm trả lãi 227.044.211đ.

Đối với khoản nợ gốc: Xét thấy ngày 05/8/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần DK và ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh ký hợp đồng tín dụng số 0413/2011/GPBBĐ-XĐ/HĐ và khế ước nhận nợ số 1.0413/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 05/8/2011 nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Qúa trình tham gia tố tụng ông S, bà Nh xác nhận toàn bộ khoản vay nợ, thừa nhận chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng. Do vậy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản nợ lãi trong hạn tính đến thời điểm ngày 02/10/2017 là 130.330.180đ (Một trăm ba mươi triệu ba trăm ba mươi ba nghìn một trăm tám mươi đồng). Xét thấy trong hợp đồng tín dụng số 0413/2011/GPBBĐ-XĐ/HĐ và khế ước nhận nợ số 01.0413/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ đều cùng ngày 05/8/2011 các bên đều thoả thuận lãi suất vay 23%/năm điều chỉnh 1 tháng/1 lần, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 05/8/2011 đến ngày 05/8/2012. Lãi suất trong hạn mà các bên thoả thuận tại Điều 3 trong hợp đồng và mục 2 của khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng theo Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản nợ lãi quá hạn tính đến thời điểm ngày 02/10/2017 là 1.648.500.000đ (Một tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Theo quy định điều khoản chung của hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản lãi phạt chậm trả tính đến thời điểm ngày 02/10/2017 số tiền 227.044.211đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm mười một đồng). Căn cứ quyết định điều chỉnh lãi suất và bảng tính gốc, lãi đối với khoản vay của ông S, bà Nh do nguyên đơn cung cấp. Xét thấy: Kể từ ngày 25/02/2013 đến ngày 03/10/2017, Ngân hàng đã áp dụng với bị đơn 2 đồng thời mức lãi gồm: lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn là lãi chồng lãi. Do vậy, yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền lãi (nợ lãi trong hạn 130.330.180đ; nợ lãi quá hạn 1.648.500.000đ) tính đến ngày 02/10/2017 phía nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 1.778.830.180đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi đồng). Cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ gốc, lãi cho nguyên đơn là 2.978.830.180đ (Hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi đồng).

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 03/10/2017 đến ngày thanh toán xong toàn bộ nợ. Theo quy định tại các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông S, bà Nh về áp dụng lãi suất quá hạn được được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay của bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp ông S, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng tín dụng số 0413/2011/GPBBĐ-XĐ/HĐ và khế ước nhận nợ số 01.0413/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ đều cùng ngày 05/8/2011 các bên đều thoả thuận tài sản bảo đảm cho khoản vay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại xã Ph, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00963QSDĐ/549/QĐ - UB -H ngày 04/7/2002 cho hộ ông Trần Văn N, sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2011 cho ông Trần Văn N, bà Chu Thị Nh1. Xét thấy ông N, bà Nh1 và Ngân hàng ký hợp đồng thế chấp bên thứ ba trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và đều làm thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Thất. Thủ tục thế chấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cho khoản vay, phù hợp với quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai; Nghị định số 83/2010/NĐ- CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật đất đai năm 2003. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên dầu khí toàn cầu được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên dầu khí toàn cầu về phần lãi phạt chậm trả không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán trả nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận, phía bị đơn cũng đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do vậy buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 30,35, 39, 147, 157, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 10, 122, 343,351 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 130 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK. Buộc ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh phải trả nợ Ngân

hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK theo hợp đồng tín dụng số 0413/2011/GPBBĐ- XĐ/HĐ và khế ước nhận nợ số 01.0413/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ đều cùng ngày 05/8/2011 đối với khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn số tiền tính đến ngày 02/10/2017, gồm:

Nợ gốc 1.200.000.000đ

Nợ lãi trong hạn 130.330.180đ

Nợ lãi quá hạn 1.648.500.000đ.

Tổng nợ: **2.978.830.180đ** *(Hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi đồng).*

Kể từ ngày 03/10/2017 ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên dầu khí toàn cầu có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thạch Thất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T409684, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00963QSDĐ/549/QĐ -UB -H ngày 04/7/2002 cho hộ ông Trần Văn N, sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2011 cho ông Trần Văn N, bà Chu Thị Nh1.

Bác yêu cầu của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK yêu cầu ông S, bà Nh thanh toán trả khoản lãi phạt chậm trả tính đến thời điểm ngày 02/10/2017 số tiền 227.044.211đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm mười một đồng).

Về án phí: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK phải chịu án phí 11.352.000đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đó nộp là 39.049.000đ theo biên lai thu số 0000636 ngày 13/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất. Trả lại Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK số tiền **27.697.000đ** (Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh phải chịu án phí kinh doanh thương mại là **91.576.000đ** *(Chín mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).*

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Khả S, bà Chu Thị Nh trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên dầu khí toàn cầu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên dầu khí toàn cầu, ông S, bà Nh, ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nh1, cụ S, anh H, chị H, chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIấN TOÀ

Tạ Thị Ninh

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÁN TOÀ

Tạ Thị Ninh